HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ MINH TIẾN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 10/NQ-HĐND	*Minh Tiến, ngày 06 tháng 8 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê chuẩn Quyết toán Thu - Chi ngân sách xã Minh Tiến năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ MINH TIẾN KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Xét tờ trình số 53/TT-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của UBND xã Minh Tiến về việc đề nghị phê chuẩn quyết toán Thu - Chi Ngân sách xã Minh Tiến năm 2020, Báo cáo quyết toán Thu - Chi ngân sách năm 2020 và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND xã tại kỳ họp thứ 2.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Phê chuẩn quyết toán Thu - Chi Ngân sách xã Minh Tiến năm 2020 như sau:

1. Tổng thu ngân sách năm 2020 là: **28.230.591.528 đồng**

Trong đó :

- Thu cân đối trên địa bàn xã: 213.984.774 đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 27.908.574.300 đồng
- Thu kết dư ngân sách năm 2019 sang 2020 78.611.477 đồng
- Thu chuyển nguồn ngân sách năm 2018 sang 2019: 29.420.977 đồng

2. Tổng chi ngân sách năm 2020: **28.158.350.708 đồng**

Trong đó:

- Chi thường xuyên: 8.324.264.589 đồng
- Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 19.691.475.800 đồng

- Chuyển nguồn ngân sách năm 2020 sang 2021: 142.610.319 đồng

3. Kết dư ngân sách năm 2020 sang 2021: 72.240.820 đồng

4.Các loại quỹ công chuyên dùng do nhân dân đóng góp:

- Kết dư năm 2019 chuyển sang năm 2020 thực hiện chi tiếp: 94.391.500đồng
- Thu trong năm 2020: 156.496.000 đồng
- Tổng chi các loại quỹ năm 2020: 103.578.000 đồng
- Kết dư các loại quỹ chuyển sang năm 2021: 147.309.500 đồng

Điều 2: HĐND xã Giao:

- UBND xã Minh Tiến triển khai thực hiện Nghị quyết.
- Thường trực HĐND xã, các ban của HĐND xã và các đại biểu HĐND xã giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND xã khóa 20 kỳ họp thứ 2 biểu quyết thông qua ngày 06 tháng 8 năm 2021.

Nơi nhận:
- TT HĐND huyện (B/c);
- TT Đảng ủy (B/c);
- TT HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- UB MTTQ và các đoàn thể;;
- Lưu VP HĐND.

CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Tiệm

Tỉnh: Thái Nguyên
Huyện: Huyện Đại Từ
Xã: Minh Tiến

Mẫu biểu số 09

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
Tổng số chi	**5.292.000.000**		**5.292.000.000**	**28.158.350.708**	**19.620.975.800**	**8.466.874.908**	**532,09**		**159,99**
Tiết kiệm chi	87.300.000		87.300.000						
1. Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	841.976.200		841.976.200	718.765.299		718.765.299	85,37		85,37
1.1. Chi dân quân tự vệ	517.504.200		517.504.200	467.017.299		467.017.299	90,24		90,24
1.2. Chi trật tự an toàn xã hội	324.472.000		324.472.000	251.748.000		251.748.000	77,59		77,59
2. Chi giáo dục				3.358.000.000	3.320.000.000	38.000.000			
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế	143.040.000		143.040.000	93.870.000		93.870.000	65,63		65,63
5. Chi văn hóa, thông tin	19.800.000		19.800.000	5.529.623.800	5.512.623.800	17.000.000	27.927,39		85,86
6. Chi phát thanh, truyền thanh	3.000.000		3.000.000						
7. Chi thể dục, thể thao	13.500.000		13.500.000	507.000.000	507.000.000		3.755,56		
8. Chi bảo vệ môi trường				73.100.000	38.000.000	35.100.000			
9. Chi các hoạt động kinh tế	22.500.000		22.500.000	12.838.948.000	10.243.352.000	2.595.596.000	57.061,99		11.535,98
9.1. Giao thông	9.000.000		9.000.000	10.171.352.000	10.171.352.000		113.015,02		
9.2. Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	13.500.000		13.500.000	2.595.596.000		2.595.596.000	19.226,64		19.226,64
9.3. Thị chính									
9.4. Thương mại, du lịch				72.000.000	72.000.000				
9.5. Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.073.129.800		4.073.129.800	4.825.933.290		4.825.933.290	118,48		118,48
Trong đó: Quỹ lương				2.731.509.621		2.731.509.621			
10.1. Quản lý Nhà nước	1.999.870.000		1.999.870.000	3.095.874.703		3.095.874.703	154,80		154,80
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	621.124.000		621.124.000	713.725.719		713.725.719	114.91		114.91

Tỉnh: Thái Nguyên
Huyện: Huyện Đại Từ
Xã: Minh Tiến

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	524.384.000		524.384.000	378.189.527		378.189.527	72,12		72,12
10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	209.059.200		209.059.200	142.958.497		142.958.497	68,38		68,38
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	177.899.200		177.899.200	134.977.881		134.977.881	75,87		75,87
10.6. Hội Cựu chiến binh	177.899.200		177.899.200	119.089.673		119.089.673	66,94		66,94
10.7. Hội Nông dân	182.548.000		182.548.000	136.309.690		136.309.690	74,67		74,67
10.8. Chi hỗ trợ khác (nếu có)	180.346.200		180.346.200	104.807.600		104.807.600	58,11		58,11
11. Chi cho công tác xã hội	32.754.000		32.754.000	70.500.000	70.500.000		215,24		215,24
11.1. Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	29.754.000		29.754.000						
11.2. Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
11.3. Trợ cấp xã hội									
11.4. Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng									
11.5. Khác	3.000.000		3.000.000	70.500.000	70.500.000		2.350,00		
12. Chi khác									
13. Dự phòng	55.000.000		55.000.000						
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				142.610.319		142.610.319			

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Vũ Thị Kim Thoa

TM. UBND xã
Chủ tịch
(ký tên và đóng dấu)

Dương Văn Bảo

Tỉnh: Thái Nguyên
Huyện: Huyện Đại Từ
Xã: Minh Tiến

Mẫu biểu số 08

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
Tổng số thu	**5.292.000.000**	**5.292.000.000**	**28.230.591.528**	**28.230.591.528**	**533,46**	**533,46**
I. Các khoản thu 100%	**39.000.000**	**39.000.000**	**51.438.378**	**51.438.378**	**131,89**	**131,89**
1. Phí, lệ phí	21.000.000	21.000.000	25.049.000	25.049.000	119,28	119,28
2. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3. Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4. Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			1.298.028	1.298.028		
5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6. Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8. Thu khác	18.000.000	18.000.000	25.091.350	25.091.350	139,40	139,40
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	**138.000.000**	**138.000.000**	**162.546.396**	**162.546.396**	**117,79**	**117,79**
1. Các khoản thu phân chia	28.000.000	28.000.000	42.376.496	42.376.496	151,34	151,34
1.1. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			7.545.282	7.545.282		
1.2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	12.000.000	12.000.000	10.700.000	10.700.000	89,17	89,17
1.4. Lệ phí trước bạ nhà, đất	16.000.000	16.000.000	24.131.214	24.131.214	150,82	150,82
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	110.000.000	110.000.000	120.169.900	120.169.900	109,25	109,25
2.1. Thu tiền sử dụng đất						
2.2. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3. Thuế tài nguyên						
2.4. Thuế giá trị gia tăng	44.000.000	44.000.000	19.244.967	19.244.967	43,74	43,74
2.5. Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6. Thuế thu nhập cá nhân	66.000.000	66.000.000	100.924.933	100.924.933	152,92	152,92
2.7. Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn			**29.420.977**	**29.420.977**		
V. Thu kết dư ngân sách năm trước			**78.611.477**	**78.611.477**		
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	**5.115.000.000**	**5.115.000.000**	**27.908.574.300**	**27.908.574.300**	**545,62**	**545,62**
1. Bổ sung cân đối ngân sách	3.456.000.000	3.456.000.000	3.074.000.000	3.074.000.000	88,95	88,95
2. Bổ sung có mục tiêu	1.659.000.000	1.659.000.000	24.834.574.300	24.834.574.300	1.496,96	1.496,96

Tỉnh: Thái Nguyên
Huyện: Huyện Đại Từ
Xã: Minh Tiến

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Vũ Thị Kim Thoa

TM. UBND xã
Chủ tịch
(ký tên và đóng dấu)

Dương Văn Bảo